

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĂN GIANG
TỈNH HƯNG YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 132/2024/HS-ST
Ngày 12/11/2024

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĂN GIANG, TỈNH HƯNG YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Huân.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Quyết Thắng và ông Nguyễn Quốc Doanh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Thanh Hải – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên tham gia phiên tòa: Bà Lý Thị Lan – Kiểm sát viên.

Trong ngày 12 tháng 11 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 113/2024/TLST-HS ngày 26/9/2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 119/2024/QĐXXST-HS ngày 15/10/2024 và Thông báo thay đổi thời gian xét xử số: 29/2024/TB-TA ngày 29/10/2024 của Tòa án nhân dân huyện Văn Giang, đối với:

Các bị cáo:

1. Họ tên: Nguyễn Văn L, sinh năm 1984; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; HKTT, trú tại: thôn A, xã P, huyện N, tỉnh Ninh Bình; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ văn hoá: 7/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông: Nguyễn Văn L1 và con bà Bùi Thị H; Có vợ là: Phạm Thị M, sinh năm: 1987; Có 02 người con, con lớn sinh năm 2011 và con nhỏ sinh năm 2013; Tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ từ ngày 20/6/2024 đến ngày 27/6/2024, được áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”. Hiện đang tại ngoại – Có mặt.

2. Họ tên: Nguyễn Văn N, sinh năm 1990; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; HKTT, trú tại: thôn T, xã T, huyện B, thành phố Hà Nội; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ văn hoá: 10/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông: Nguyễn Văn Q và con bà Nguyễn Thị S; Có vợ là: Bạch Thị Như

Q1, sinh năm: 1991; Có 01 con sinh năm 2020; Tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ từ ngày 20/6/2024 đến ngày 27/6/2024, được áp dụng biện pháp ngăn chặn “*Cấm đi khỏi nơi cư trú*”. Hiện đang tại ngoại – *Có mặt*.

3. Họ tên: Nguyễn Văn T, sinh năm 1991; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; HKTT, trú tại: thôn V, xã H, huyện M, thành phố Hà Nội; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ văn hoá: 12/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông: Nguyễn Văn H1 và con bà Trần Thị V; Vợ, con: Chưa có; Tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ từ ngày 20/6/2024 đến ngày 27/6/2024, được áp dụng biện pháp ngăn chặn “*Cấm đi khỏi nơi cư trú*”. Hiện đang tại ngoại – *Có mặt*.

4. Họ tên: Nguyễn Văn T1, sinh năm 1989; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; HKTT, trú tại: thôn T, xã G, huyện G, tỉnh Ninh Bình; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ văn hoá: 9/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông: Nguyễn Văn L2 và con bà Trần Thị H2; Vợ, con: Chưa có; Tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ từ ngày 20/6/2024 đến ngày 27/6/2024, được áp dụng biện pháp ngăn chặn “*Cấm đi khỏi nơi cư trú*”. Hiện đang tại ngoại – *Có mặt*.

5. Họ tên: Phạm Văn T2, sinh năm 1991; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; HKTT, trú tại: Xóm A, xã Đ, huyện K, tỉnh Ninh Bình; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ văn hoá: 9/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông: Phạm Văn L3 và con bà Vũ Thị Đ; Có vợ là: Nguyễn Thị H3, sinh năm: 1996; Có 01 con sinh năm 2022; Tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ từ ngày 20/6/2024 đến ngày 27/6/2024, được áp dụng biện pháp ngăn chặn “*Cấm đi khỏi nơi cư trú*”. Hiện đang tại ngoại – *Có mặt*.

6. Họ tên: Trần Văn Q2, sinh năm 1993; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; HKTT, trú tại: thôn C, xã T, huyện H, tỉnh Ninh Bình; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ văn hoá: 12/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông: Trần Văn L4 và con bà Trần Thị T3; Có vợ là: Khương Thị N1, sinh năm: 1994; Có 01 con sinh năm 2021; Tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ từ ngày 20/6/2024 đến ngày 27/6/2024, được áp dụng biện pháp ngăn chặn “*Cấm đi khỏi nơi cư trú*”. Hiện đang tại ngoại – *Có mặt*.

7. Họ tên: Phạm Chí B, sinh năm 1984; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; HKTT, trú tại: Tổ dân phố K, phường T, thị xã D, tỉnh Hà Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ văn hoá: 7/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông: Phạm Văn D và con bà Phạm Thị Đ1; Có vợ là: Nguyễn Thị T4, sinh năm: 1987; Có 02 người con, con lớn sinh năm 2008 và con nhỏ sinh năm 2013; Tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ từ ngày 20/6/2024 đến ngày

27/6/2024, được áp dụng biện pháp ngăn chặn “*Cấm đi khỏi nơi cư trú*”. Hiện đang tại ngoại – *Có mặt*.

8. Họ tên: Phạm Văn H4, sinh năm 1991; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; HKTT, trú tại: thôn T, xã T, huyện B, thành phố Hà Nội; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ văn hoá: 9/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông: Phạm Văn L5 và con bà Ngô Thị M1; Vợ, con: Chưa có; Tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ từ ngày 21/6/2024 đến ngày 27/6/2024, được áp dụng biện pháp ngăn chặn “*Cấm đi khỏi nơi cư trú*”. Hiện đang tại ngoại – *Có mặt*.

9. Họ tên: Trần Văn N2, sinh năm 1998; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; HKTT, trú tại: Xóm H, xã L, huyện K, tỉnh Ninh Bình; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ văn hoá: 9/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông: Trần Văn C và con bà Phạm Thị L6; Vợ, con: Chưa có; Tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ từ ngày 21/6/2024 đến ngày 27/6/2024, được áp dụng biện pháp ngăn chặn “*Cấm đi khỏi nơi cư trú*”. Hiện đang tại ngoại – *Có mặt*.

10. Họ tên: Trần Văn B1, sinh năm 2000; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; HKTT, trú tại: Xóm A, xã K, huyện K, tỉnh Ninh Bình; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ văn hoá: 9/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông: Trần Văn T5 và con bà Đinh Thị H5; Có vợ là: Phạm Thị M2, sinh năm: 2001; Có 01 con sinh năm 2022; Tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ từ ngày 21/6/2024 đến ngày 27/6/2024, được áp dụng biện pháp ngăn chặn “*Cấm đi khỏi nơi cư trú*”. Hiện đang tại ngoại – *Có mặt*.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án:

1. Anh Đỗ Mạnh B2, sinh năm 1998; địa chỉ: Xóm C, xã Đ, huyện K, tỉnh Ninh Bình. *Có mặt*

2. Anh Trần Văn H6, sinh năm 1992; địa chỉ: thôn C, xã Đ, huyện H, tỉnh Thái Bình. *Vắng mặt*

3. Anh Nguyễn Tiến Đ2, sinh năm 1995; địa chỉ: thôn T, xã T, huyện N, tỉnh Hải Dương. *Có mặt*

Những người làm chứng trong vụ án:

1. Anh Hoàng Văn T6, sinh năm 1982; địa chỉ: thôn X, xã H, huyện H, tỉnh Thái Bình. *Vắng mặt*

2. Anh Đặng Văn T7, sinh năm 1996; địa chỉ: thôn Y, xã T, huyện H, tỉnh Ninh Bình. *Vắng mặt*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Công ty TNHH V1 (sau đây gọi tắt là Công ty V1) có địa chỉ ở số C, xã B, huyện T, thành phố Hà Nội đã nhận thi công một số hạng mục tại khu đô thị S thuộc 2 xã N và L. Các công nhân được Công ty V1 sắp xếp, bố trí ăn nghỉ tại căn hộ S đường Đ, khu đô thị V, địa phận xã L, huyện V, tỉnh Hưng Yên do anh Nguyễn Tiến H7 sinh năm 1995, hộ khẩu thường trú (HKTT): thôn C, xã B, huyện T, thành phố Hà Nội làm chủ. Ở tại căn hộ 151 nói trên có: Nguyễn Văn L sinh năm 1984, HKTT: thôn A, xã P, huyện N, tỉnh Ninh Bình; Nguyễn Văn T sinh năm 1991, HKTT: thôn V, xã H, huyện M, thành phố Hà Nội; Phạm Văn T2 sinh năm 1991, HKTT: Xóm A, xã Đ, huyện K, tỉnh Ninh Bình; Nguyễn Văn T1 sinh năm 1989, HKTT: thôn T, xã G, huyện G, tỉnh Ninh Bình; Trần Văn Q2 sinh năm 1993, HKTT: thôn C, xã T, huyện H, tỉnh Ninh Bình; Phạm Chí Ba sinh năm 1984, HKTT: tổ dân phố K, phường T, thị xã D, tỉnh Hà Nam; Nguyễn Văn N sinh năm 1990, HKTT: thôn T, xã T, huyện B, thành phố Hà Nội; Trần Văn B1 sinh năm 2000, HKTT: Xóm F, xã K, huyện K, tỉnh Ninh Bình; Hoàng Văn T6, sinh năm 1982, HKTT: Thôn X, xã H, huyện H, tỉnh Thái Bình và Đặng Văn T7, sinh năm 1996, HKTT: Thôn Y, xã T, huyện H, tỉnh Ninh Bình.

Tối ngày 19/6/2024, Nguyễn Văn T tổ chức liên hoan sinh nhật nên đã mời tất cả các công nhân có tên nêu trên đi uống rượu cùng một số bạn của T là: Phạm Văn H4 sinh năm 1991, HKTT: xã T, huyện B, thành phố Hà Nội; Trần Văn H6, sinh năm 1992, HKTT: thôn C, xã Đ, huyện H, tỉnh Thái Bình; Đỗ Mạnh B2, sinh năm 1998, HKTT: Xóm C, xã Đ, huyện K, tỉnh Ninh Bình; Nguyễn Tiến Đ2, sinh năm 1995, HKTT: Thôn T, xã T, huyện N, tỉnh Hải Dương.

Đến khoảng 21 giờ cùng ngày, tất cả cùng đi về căn hộ số 151 nói trên để nghỉ. Trần Văn H6 và Nguyễn Tiến Đ2 ngồi uống nước ở tầng 2, Hoàng Văn T6 và Đặng Văn T7 lên tầng 3 ngủ, những người còn lại đi lên tầng 3 để ngồi uống nước. Trong lúc uống nước, Nguyễn Văn L rủ mọi người đánh bạc bằng hình thức đánh liêng được thua bằng tiền thì Phạm Văn T2, Nguyễn Văn T1, Nguyễn Văn T, Trần Văn Q2, Phạm Chí B, Nguyễn Văn N, Trần Văn B1, Trần Văn N2 và Phạm Văn H4 đều đồng ý. L lấy bộ bài tú 52 quân có một mặt màu xanh, một mặt in hình các quân bài để ở dưới chiếu nhựa màu vàng đã trải sẵn rồi cùng T2, T1, T, Q2, Ba, H4, B1, Nguyễn Văn N và Trần Văn N2 ngồi quây tròn để chơi đánh bạc (gọi là *chiếu bạc số 1*). Còn Đỗ Mạnh B2 ngồi bên cạnh xem, không tham gia đánh bạc.

Các đối tượng thống nhất quy tắc chơi như sau: Tất cả sử dụng 01 bộ bài tú lơ khơ có 52 quân để đánh bạc; mỗi người phải góp 10.000đ/1 ván (gọi là tiền “gà”) và

tổ không quá 100.000 đồng/1 lượt. Khi bắt đầu chơi, một người sẽ dùng bộ bài trộn đều rồi đặt úp xuống chiếu, mỗi người chọn 1 quân bài rồi lật ra để so sánh, ai có quân bài lớn hơn thì được quyền chia bài và tổ đầu tiên. Người chia bài sẽ chia cho mỗi người 03 quân bài úp kín để tính điểm rồi tham gia tổ, còn lại các quân bài để ở giữa làm bài lọc. Quy định thứ tự từ cao đến thấp lần lượt như sau: Sáp là 03 quân bài có cùng số hoặc cùng chữ, Sáp A, A, A (át) là cao nhất, Sáp 2, 2, 2 là nhỏ nhất, nếu như bài của ai được S1 thì mỗi người chơi (thua) phải mất cho người có bài được S1 là 50.000 đồng. Liêng là 03 quân bài liên tiếp liền kề nhau, Liêng Q, K, A là cao nhất, Liêng A, 2, 3 là nhỏ nhất, Liêng đồng hoa là ba quân bài liên tiếp cùng chất. Nếu ai được L7 đồng hoa, thì mỗi người chơi (thua) phải mất cho người được là 30.000 đồng. Tranh ảnh, đầu người là có 02/03 quân bài cùng 1 chữ và 1 quân bài có 1 chữ khác. Khi cộng điểm thì tính quân bài có số 9 là điểm cao nhất, các quân bài 10, J, Q, K thì tính là 0 điểm quân A tính là 1 điểm, quân bài từ 2 đến 8 có số điểm tương ứng với giá trị của mỗi bài. Nếu bài của ai có số điểm cao nhất thì thắng và được tất cả số tiền "gà" và tiền của những người tham gia tổ ở chiếu bạc, người thắng ván trước sẽ được chia bài ván sau. Các đối tượng đánh bạc không phải nộp tiền hồ cho ai.

Khi bắt đầu tham gia đánh bạc thì Q2 có 730.000đ (để dưới chiếu 260.000đ và trên người là 470.000đ); Nguyễn Văn N có 1.250.000đ, Trần Văn N2 có 600.000đ, Ba có 520.000đ, H4 có 600.000đ, Bấy có 1.570.000đ, T có 800.000đ, T1 có 1.100.000đ, L có 1.360.000đ, T2 có 700.000đ và đều để ở dưới chiếu ngay chỗ ngồi của mình. Khi chiếu bạc số 01 nói trên, chơi được khoảng 30 phút thì H6 đi lên tầng 3. Thấy có thêm người muốn chơi đánh bạc nên Ban muốn lập thêm 01 chiếu bạc mới, B2 nói với mọi người "*Chiếu bên kia đông rồi, san bớt sang chiếu này chơi*". Thấy vậy, Trần Văn N2, H4 và B1 không chơi ở chiếu bạc số 01 nữa mà cùng với B2 và H6 thành lập chiếu bạc mới để chơi sát phạt nhau bằng tiền (*gọi là chiếu bạc số 02*). Ban lấy ra bộ tứ lơ khơ 52 quân có một mặt màu đỏ, một mặt in hình các quân bài, rồi cùng mọi người tham gia đánh liêng được thua bằng tiền, trên chiếc chiếu nhựa màu vàng đỏ đã được trải sẵn. Khi tham gia đánh bạc tại chiếu bạc số 02 thì Ban có 110.000đ, H6 có 600.000đ, Trần Văn N2 có 570.000đ (*do bị thua 30.000đ khi chơi ở chiếu bạc số 01*), H4 có 550.000đ (*do bị thua 50.000đ khi chơi ở chiếu bạc số 01*) và Bấy có 1.550.000đ (*do bị thua 20.000đ ở chiếu bạc số 01*). Tất cả đều để tiền ở dưới chiếu để thuận tiện cho việc thanh toán thắng thua. Đến khoảng 00 giờ, ngày 20/6/2024, Nguyễn Tiến Đ2 đi lên tầng 3 và cũng tham gia đánh bạc tại chiếu bạc số 02 với số tiền mang theo là 150.000đ.

Đến khoảng 01 giờ ngày 20/6/2024, khi các đối tượng đang chơi đánh bạc ở cả hai chiếu thì bị lực lượng cảnh sát điều tra Công an huyện V phối hợp với Công an xã L phát hiện, bắt quả tang. Thu giữ tại chiếu bạc số 01 có số tiền là 6.090.000đ; 01 bộ tứ lơ khơ 52 quân một mặt màu xanh, một mặt in hình các quân bài; 01 chiếc chiếu nhựa màu vàng. Thu trên người Q2 01 chiếc ví màu đen bên trong có số tiền 470.000đ. T8 tại chiếu bạc số 02 có số tiền là 3.530.000đ; 01 bộ tứ 52 quân một mặt màu đỏ, một mặt in hình các quân bài; 01 chiếc chiếu nhựa màu vàng, đỏ. Ngoài ra còn thu giữ của Q2 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO, của L 01 điện thoại di động Sam Sung, của Nguyễn Văn N 01 điện thoại Sam Sung, của T2 01 điện thoại Sam Sung, của B1 01 điện thoại Iphone, của Ban 01 điện thoại Vivo, của H6 01 điện thoại Iphone 7Plus, của Trần Văn N2 01 điện thoại Iphone.

Tại cơ quan điều tra, các đối tượng đều khai nhận: 02 bộ bài 52 quân là có sẵn ở căn hộ số 151 nói trên, không rõ ai là người đã mua để chơi giải trí, không sát phạt nhau bằng tiền; toàn bộ số tiền bị thu giữ nói trên đều sử dụng vào mục đích đánh bạc. Nguồn gốc số tiền trên là do các đối tượng lao động mà có; những chiếc điện thoại bị thu giữ đều là tài sản hợp pháp của các đối tượng, không sử dụng vào việc đánh bạc. Ngày 27/8/2024, Cơ quan CSĐT Công an huyện V đã trả lại những chiếc điện thoại nêu trên cho các bị cáo và các đối tượng có liên quan.

Cáo trạng số 120/CT-VKSVG ngày 25/9/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên truy tố các bị cáo Nguyễn Văn L, Phạm Văn T2, Nguyễn Văn T1, Nguyễn Văn T, Trần Văn Q2, Phạm Chí B, Nguyễn Văn N, Trần Văn B1, Trần Văn N2 và Phạm Văn H4 đều về tội “*Đánh bạc*” theo quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

- Cả 10 bị cáo đều thành khẩn nhận tội và khai báo diễn biến hành vi phạm tội như hành vi của các bị cáo bị Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên truy tố trong bản Cáo trạng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân giữ nguyên Quyết định truy tố đối với cả 10 bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Văn L, Phạm Văn T2, Nguyễn Văn T1, Nguyễn Văn T, Trần Văn Q2, Phạm Chí B, Nguyễn Văn N, Trần Văn B1, Trần Văn N2 và Phạm Văn H4 đều phạm tội “*Đánh bạc*”;

Căn cứ khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 17; Điều 58 và khoản 1, 2, 5 Điều 65 của Bộ luật Hình sự và Điều 92 của Luật thi hành án hình sự năm 2019 (đối với cả 10 bị cáo);

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 46; điểm a, b khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng Hình sự;

Xử phạt:

+ Nguyễn Văn L từ 01 năm đến 01 năm 03 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm;

+ Nguyễn Văn T1, Nguyễn Văn N, Trần Văn Q2, Phạm Văn T2, Nguyễn Văn T và Phạm Chí B, mỗi bị cáo từ 09 tháng đến 01 năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm;

+ Trần Văn N2, Trần Văn B1 và Phạm Văn H4, mỗi bị cáo từ 06 tháng đến 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm;

Giao các bị cáo: Nguyễn Văn L, Phạm Văn T2, Nguyễn Văn T1, Nguyễn Văn T, Trần Văn Q2, Phạm Chí B, Nguyễn Văn N, Trần Văn B1, Trần Văn N2 và Phạm Văn H4 cho UBND xã nơi các bị cáo cư trú giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với cả 10 bị cáo.

Về xử lý vật chứng: + Tịch thu cho tiêu hủy: 01 chiếc chiếu nhựa màu vàng và 01 bộ tú (bài) 52 quân, một mặt màu xanh, một mặt in hình các quân bài;

+ Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước số tiền: 10.090.000đ (*Mười triệu, không trăm chín mươi nghìn đồng*).

Về án phí: Các bị cáo đều phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

- Các bị cáo nói lời sau cùng: Cả 10 bị cáo đều nhận thức được lỗi lầm của mình, ăn năn hối cải và xin Hội đồng xét xử xem xét cho các bị cáo được cải tạo tại địa phương.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện V, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Giang, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của

Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan xuất trình tài liệu, chứng cứ phù hợp với quy định của pháp luật và không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã được thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Tại phiên tòa: Vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (anh H6) và người làm chứng (anh T6, anh T7). Qua xem xét sự vắng mặt của họ, Tòa án đã triệu tập, tổng đạt hợp lệ nên xét thấy việc vắng mặt của họ không gây trở ngại cho việc xét xử và tại phiên tòa Kiểm sát viên, bị cáo không yêu cầu hoãn phiên tòa. Sau khi thảo luận tại phòng xử án, căn cứ Điều 293 của Bộ luật Tố tụng Hình sự, Hội đồng xét xử thống nhất vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[3]. Tại phiên tòa, cả 10 bị cáo đều khai nhận toàn bộ hành vi như Cáo trạng truy tố; lời khai của bị cáo phù hợp lời khai của người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Do đó, có đủ căn cứ xác định: Khoảng 22 giờ ngày 19/6/2024, tại căn hộ S đường Đ, khu đô thị S thuộc địa phận xã L, huyện V; Nguyễn Văn L đã rủ rôi cùng 9 đối tượng tham gia đánh bạc dưới hình thức chơi liêng, sát phạt nhau bằng tiền tại chiếu bạc số 01 có: Phạm Văn T2, Nguyễn Văn T1, Nguyễn Văn T, Trần Văn Q2, Phạm Chí B, Nguyễn Văn N, Trần Văn B1, Trần Văn N2 và Phạm Văn H4. Đến khoảng 00 giờ ngày 20/6/2024, B1, H4 và Trần Văn N2 dừng chơi ở chiếu bạc số 01 rồi tiếp tục cùng với Đỗ Mạnh B2, Trần Văn H6, Nguyễn Tiến Đ2 đánh bạc cũng bằng hình thức chơi liêng, sát phạt nhau bằng tiền tại chiếu bạc số 02. Sau đó lực lượng CSĐT Công an huyện V phối hợp với Công an xã L kiểm tra, phát hiện, bắt quả tang. Tổng số tiền các bị can đã và sẽ sử dụng vào việc đánh bạc tại chiếu bạc số 01 là 6.560.000đ (*Sáu triệu, năm trăm sáu mươi nghìn đồng*) và tổng số tiền sử dụng vào việc đánh bạc tại chiếu bạc số 02 là 3.530.000đ (*Ba triệu, năm trăm ba mươi nghìn đồng*).

Với hành vi nêu trên của Nguyễn Văn L, Phạm Văn T2, Nguyễn Văn T1, Nguyễn Văn T, Trần Văn Q2, Phạm Chí B, Nguyễn Văn N, Trần Văn B1, Trần Văn N2 và Phạm Văn H4 đã đủ yếu tố cấu thành tội “*Đánh bạc*” theo qui định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự.

Vì vậy, Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Giang đã truy tố cả 10 bị cáo theo tội danh và điều luật áp dụng trong Cáo trạng số 120/CT-VKSVG ngày 25/9/2024 là có căn cứ.

Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến trật tự công cộng, gây mất trật tự an toàn xã hội. Cờ bạc là một tệ nạn đã và đang gây nhiều bức xúc trong quần chúng nhân dân, là nguyên nhân làm xa sút kinh tế, ảnh hưởng đến hạnh phúc gia đình và cũng là nguyên nhân làm phát sinh các loại tội phạm khác. Do vậy, cần xử lý nghiêm theo pháp luật hình sự.

[4]. Đánh giá nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, vai trò của từng bị cáo, Hội đồng xét xử thấy:

4.1. Về nhân thân: Cả 10 bị cáo đều có nhân thân tốt, chưa có tiền án tiền sự, là người lao động, nhất thời phạm tội.

4.2. Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Cả 10 bị cáo đều không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào.

4.3. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa cả 10 bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; đều phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên cả 10 bị cáo đều được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

4.4. Về vai trò: Đây là vụ án có đồng phạm giản đơn, các bị cáo không có sự phân công, bàn bạc trước nhưng Nguyễn Văn L là người khởi xướng, lấy bài và rủ các đối tượng đánh bạc nên L giữ vai trò chính. Các bị cáo Phạm Văn T2, Nguyễn Văn T1, Nguyễn Văn T, Trần Văn Q2, Phạm Chí B, Nguyễn Văn N, Trần Văn B1, Trần Văn N2 và Phạm Văn H4 là những người trực tiếp tham gia đánh bạc cùng L nên là đồng phạm, giữ vai trò ngang nhau trong vụ án.

[5]. Cả 10 bị cáo đều có nhân thân tốt, chưa có tiền án tiền sự, lần đầu phạm tội, tính chất, mức độ hành vi phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng và có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như đã phân tích nên thấy không cần thiết phải cách ly các bị cáo: Nguyễn Văn L, Phạm Văn T2, Nguyễn Văn T1, Nguyễn Văn T, Trần Văn Q2, Phạm Chí B, Nguyễn Văn N, Trần Văn B1, Trần Văn N2 và Phạm Văn H4 ra khỏi đời sống xã hội một thời gian, chỉ cần áp dụng khoản 1,2 và 5 Điều 65 Bộ luật Hình sự, để xử phạt các bị cáo hình phạt tù nhưng cho hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách và giao các bị cáo cho UBND xã nơi các bị cáo cư trú giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách cũng đảm bảo việc giáo dục, cải tạo bị cáo nói riêng và phòng chống tội phạm nói chung trong toàn xã hội. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định

của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử đã xem xét đến tính chất mức độ hành vi phạm tội, đặc điểm nhân thân, cùng tình tiết giảm nhẹ, vai trò, thời gian tham gia đánh bạc và số tiền dùng vào việc đánh bạc của các bị cáo để quyết định mức hình phạt tương xứng đối với từng bị cáo.

[6]. Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 3 Điều 321 Bộ luật hình sự, quy định “*Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng*”, do đó các bị cáo còn có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền. Tuy nhiên, theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của cả 10 bị cáo tại phiên tòa đều cho thấy cả 10 bị cáo đều có hoàn cảnh kinh tế khó khăn, thu nhập không ổn định. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với cả 10 bị cáo.

[5]. Về vật chứng và biện pháp tư pháp: Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 46; điểm a, b khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a, b, c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, vật chứng được xử lý như sau:

- 01 chiếc chiếu nhựa màu vàng và 01 bộ tú (bài) 52 quân, một mặt màu xanh, một mặt in hình các quân bài là công cụ dùng vào việc phạm tội và là vật không có giá trị nên cần tịch thu cho tiêu hủy.

- Số tiền 10.090.000đ (*Mười triệu, không trăm chín mươi nghìn đồng*) đã thu giữ, xác định các bị cáo và người có liên quan đã dùng vào việc phạm tội nên tịch thu sung vào ngân sách nhà nước.

[6]. Về án phí: Buộc Nguyễn Văn L, Phạm Văn T2, Nguyễn Văn T1, Nguyễn Văn T, Trần Văn Q2, Phạm Chí B, Nguyễn Văn N, Trần Văn B1, Trần Văn N2 và Phạm Văn H4, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng Hình sự và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án.

[7]. Về quyền kháng cáo: Bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 331, Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

[8]. Đối với hành vi đánh bạc của B2, Đ2, H6, B1, Trần Văn N2 và H4 tại chiếu bạc số 02: tổng số tiền sử dụng vào việc đánh bạc dưới 5.000.000đ, các đối tượng nêu trên đều chưa có tiền án, tiền sự về hành vi Đánh bạc, tổ chức đánh bạc hay già

bạc nên không có căn cứ để truy cứu trách nhiệm hình sự nên Công an huyện V đã quyết định xử phạt hành chính đối với B2, Đ2 và H6 về hành vi Đánh bạc là đúng pháp luật. Tuy nhiên, Công an huyện V không xử phạt vi phạm hành chính đối với B1, H4 và Trần Văn N2 về hành vi đánh bạc tại chiếu bạc số 02 là chưa triệt để. Ngày 21/10/2024, Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Giang đã kiến nghị Cơ quan CSĐT Công an huyện V chuyển tài liệu có liên quan đến Công an huyện V để xử phạt vi phạm hành chính đối với B1, H4 và Trần Văn N2 là có căn cứ, đúng qui định của pháp luật.

Đối với anh H7, quá trình điều tra xác định mặc dù anh H7 là chủ căn hộ số 151 nói trên, nhưng do anh H7 không biết các đối tượng đã đánh bạc sát phạt nhau bằng tiền tại căn hộ của mình nên Cơ quan CSĐT Công an huyện V không xử lý đối với anh H7 là phù hợp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ:

Căn cứ khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 17; Điều 58 và khoản 1, 2, 5 Điều 65 của Bộ luật Hình sự và Điều 92 của Luật thi hành án hình sự năm 2019 (*đối với cả 10 bị cáo*);

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 46; điểm a, b khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng Hình sự;

Tuyên bố: Các bị cáo Nguyễn Văn L, Phạm Văn T2, Nguyễn Văn T1, Nguyễn Văn T, Trần Văn Q2, Phạm Chí B, Nguyễn Văn N, Trần Văn B1, Trần Văn N2 và Phạm Văn H4 đều phạm tội “*Đánh bạc*”;

Xử phạt:

+ Nguyễn Văn L 01 (*Một*) năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 02 (*Hai*) năm, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm;

+ Nguyễn Văn T1, Nguyễn Văn N, Trần Văn Q2, Phạm Văn T2, Nguyễn Văn T và Phạm Chí B, mỗi bị cáo 09 (*Chín*) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 (*Một*) năm 06 (*Sáu*) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm;

+ Trần Văn N2, Trần Văn B1 và Phạm Văn H4, mỗi bị cáo 07 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 (*Một*) năm 02 (*Hai*) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm;

Giao bị cáo Nguyễn Văn L cho UBND xã P, huyện N, tỉnh Ninh Bình nơi bị cáo cư trú giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Giao các bị cáo Nguyễn Văn N và Phạm Văn H4 cho UBND xã T, huyện B, thành phố Hà Nội nơi các bị cáo cư trú giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Giao bị cáo Nguyễn Văn T cho UBND xã H, huyện M, thành phố Hà Nội nơi bị cáo cư trú giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Giao bị cáo Nguyễn Văn T1 cho UBND xã G, huyện G, tỉnh Ninh Bình nơi bị cáo cư trú giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Giao bị cáo Phạm Văn T2 cho UBND xã Đ, huyện K, tỉnh Ninh Bình nơi bị cáo cư trú giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Giao bị cáo Trần Văn Q2 cho UBND xã T, huyện H, tỉnh Ninh Bình nơi bị cáo cư trú giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Giao bị cáo Phạm Chí B cho UBND phường T, thị xã D, tỉnh Hà Nam nơi bị cáo cư trú giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Giao bị cáo Trần Văn N2 cho UBND xã L, huyện K, tỉnh Ninh Bình nơi bị cáo cư trú giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Giao bị cáo Trần Văn B1 cho UBND xã K, huyện K, tỉnh Ninh Bình nơi bị cáo cư trú giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Gia đình các bị cáo: Nguyễn Văn L, Phạm Văn T2, Nguyễn Văn T1, Nguyễn Văn T, Trần Văn Q2, Phạm Chí B, Nguyễn Văn N, Trần Văn B1, Trần Văn N2 và Phạm Văn H4, có trách nhiệm phối hợp cùng với chính quyền địa phương giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo có ý vi phạm nghĩa vụ theo Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Trường hợp: Nguyễn Văn L, Phạm Văn T2, Nguyễn Văn T1, Nguyễn Văn T, Trần Văn Q2, Phạm Chí B, Nguyễn Văn N, Trần Văn B1, Trần Văn N2 và Phạm Văn H4 thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật thi hành án hình sự năm 2019.

2. Về xử lý vật chứng: + Tịch thu cho tiêu hủy: 01 chiếc chiếu nhựa màu vàng và 01 bộ tú (bài) 52 quân, một mặt màu xanh, một mặt in hình các quân bài;

(Tình trạng, đặc điểm, số lượng, chủng loại vật chứng như theo Biên bản giao nhận đồ vật, tài liệu, vật chứng ngày 11/11/2024 giữa Công an huyện V với Chi cục Thi hành án dân sự huyện Văn Giang)

+ Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước số tiền: 10.090.000đ (*Mười triệu, không trăm chín mươi nghìn đồng*).

(Số tiền 10.090.000đ, hiện đã nộp vào tài khoản số 3949.0.1047804.00000 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Văn Giang tại Kho bạc Nhà nước huyện V, theo ủy nhiệm chi ngày 12/11/2024 của Công an huyện V).

3. Về án phí: Buộc Nguyễn Văn L, Phạm Văn T2, Nguyễn Văn T1, Nguyễn Văn T, Trần Văn Q2, Phạm Chí B, Nguyễn Văn N, Trần Văn B1, Trần Văn N2 và Phạm Văn H4, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (*hai trăm nghìn đồng*) án phí Hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 12/11/2024). Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (*vắng mặt*) có quyền kháng cáo phần nội dung bản án có liên quan đến quyền, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- VKS, CA, Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên;
- VKS, Công an huyện Văn Giang;
- Chi cục THADS huyện Văn Giang;
- Các bị cáo; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu hồ sơ vụ án, VPTA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Văn Huấn